

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 17 – 10 – 2019
V/v Tranh chấp ly hôn
chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Nguyễn Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự

1. ***Nguyên đơn:*** Chị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư V - Văn phòng luật sư X, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp

2. ***Bị đơn:*** Anh L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư H - Văn phòng luật sư U, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Anh P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 826, ấp L, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

3.2. Chị K, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 516/7C, Khóm N, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người làm chứng:* Bà N, sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, Đồng Tháp

Nguyên đơn, bị đơn, luật sư, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh P, chị K, luật sư, người làm chứng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng từ năm 1999, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2000 tại UBND xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc. Quá trình chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị T khuyên nhưng anh L không nghe, nên vợ chồng gây gỗ, cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh L, chị T yêu cầu ly hôn anh L.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con tên R, sinh ngày 15/10/2000 và A, sinh ngày 04/9/2006. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con tên A, chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Đối với con chung tên R, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung gồm có:

*** Về động sản:**

- Một xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 66S1 – 318.67 do anh L đứng tên chủ sở hữu. Chị T thống nhất giá trị chiếc xe còn lại là 40.000.000đ, chị T yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 20.000.000đ.

- Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị cây mai vàng và cây nguyệt quế là 3.000.000đ. Đồng ý chia cho anh L được sở hữu 01 cây mai vàng và 01 cây nguyệt quế.

- Số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 2000m² gồm thửa 287 và thửa 598 cho anh Đ là 440.000.000đ nhưng không có giấy tờ chứng minh, theo hợp đồng thì số tiền chuyển nhượng chỉ có 40.000.000đ. Sau đó, vợ chồng đã sử dụng số 280.000.000đ để trả nợ cho mẹ chị T, mua xe Honda PCX, còn lại 160.000.000đ, hiện anh L đang quản lý. Chị T yêu cầu được chia số tiền là 80.000.000đ. Vì chị T cho rằng 2000m² đất trên là tài sản chung của vợ chồng cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Trong đó phần đất diện tích 1000m² thuộc thửa 287 nhận chuyển nhượng của anh V có làm hợp đồng chuyển nhượng và 1000m² thuộc thửa 598 (thửa cũ là 12) nhận chuyển nhượng của cha chồng tên S (không có làm giấy tờ). Sau này khi làm thủ tục thừa kế từ cha, anh L đã kê khai xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, nhập chung vào thửa 12.

*** Về bất động sản:**

- Căn nhà số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp được xây dựng trên thửa đất 539, tờ bản đồ 03.

- Phần đất thuộc thửa 539, diện tích 792,5m²; Thửa số 534 diện tích 939,2m²; Thửa số 535, diện tích 2.938m² cùng tờ bản đồ 03; Thửa số 316, diện tích 350m²; Thửa số 24, diện tích 2.125,3m²; Thửa số 599, diện tích 3708,1m² cùng tờ bản đồ 04 do anh L đứng tên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc các thửa đất trên là của ông S và bà C tạo lập (cha, mẹ anh L). Năm 2007, ông S chết không để lại di chúc. Ngày 12/3/2012, bà C (mẹ anh L) và các anh chị em của anh L có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đồng ý để cho anh L được thừa kế toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất do cha S đứng tên diện tích 13.942,13m². Sau đó, anh L kê khai và được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 01/8/2012. Chị T cho rằng các thửa đất trên là tài sản anh L được thừa kế trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng nên khi ly hôn chị T yêu cầu chia cụ thể như sau:

+ Yêu cầu được chia giá trị tài sản chung là căn nhà số 878 gắn liền với thửa đất 539, sau khi trừ số tiền nợ 93.000.000đ của chị K là (535.583.000đ – 93.000.000đ) : 2 = 221.291.500đ (làm tròn 221.292.000đ). Chị T yêu cầu được sở hữu căn nhà kho tạm và một phần hàng rào (ngang 8,26m x 2m). Đồng ý chia cho anh L được sở hữu căn nhà chính số 878, sân, tọa lạc tại số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S. Do phần tài sản trên thửa đất 539 anh L được chia có giá trị cao hơn, nên anh L phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho chị T là 221.292.000đ – 27.111.000đ (nhà kho) – 14.120.000đ (một phần hàng rào) = 180.061.000đ.

+ Phần đất diện tích 241,5m², thuộc một phần thửa 539 tờ bản đồ 03 thể hiện từ mốc 1 – 2 – 21 – 22 – 23 – 24 – 15 – 16 – 17 – 18 – 19 – 20 – 1 (hình 1).

+ Phần đất diện tích 1864,8m², thuộc một phần thửa 535, tờ bản đồ 03, thể hiện từ mốc 13 – 14 – 15 – 24 – 25 – 26 – 27 – 13 (hình 2) và cây trồng các loại có trên phần đất được chia.

(vị trí, kích thước phần đất tranh chấp theo mảnh trích đo địa chính số 138 – 2019 ngày 20/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc).

+ Phần đất diện tích 176,0m², thuộc một thửa số 316, tờ bản đồ 04, thể hiện từ mốc 2 – 3 – 14 – 13 – 2 (hình 2) và cây trồng (xoài) có trên đất .

+ Phần đất diện 1.133,1m² thuộc một phần thửa 24 tờ bản đồ 04, thể hiện từ mốc 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 14 – 3 (hình 4)

+ Phần đất diện tích 1.796,8m² thuộc một thửa số 599, tờ bản đồ 04, thể hiện từ mốc 15 – 16 – 17 – 18 – 19 – 20 – 24 – 15 (hình 6).

(vị trí, kích thước phần đất tranh chấp theo mảnh trích đo địa chính số 137 – 2019 ngày 20/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc).

Chị T đồng ý chia cho anh L được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 516,7m² thuộc một phần thửa 539; diện tích 1956m² thuộc một phần thửa 535 và

534; diện tích 178,6m² thuộc một phần thửa 316; diện tích 1130,5m² thuộc một phần thửa 24 và diện tích 1796,8m² thuộc một phần thửa 599.

Đối với phần đất tại thửa 539, 316, 534 và 535 anh L được chia diện tích nhiều hơn, chị T không yêu cầu anh L phải trả giá trị chênh lệch. Đồng thời phần đất chị T yêu cầu chia tại thửa 24 diện tích nhiều hơn, chị T cũng không đồng ý trả giá trị chênh lệch tài sản cho anh L.

Đối với phần đất ruộng thuộc thửa 599, hiện nay anh P đang thuê để trồng lúa, thuê không có thời hạn, 01năm/13 gia lúa/01công. Chị T không tranh chấp yêu cầu chia hoa lợi từ việc cho thuê đất.

Về diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế thiếu so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất chị T cũng thống nhất không có ý kiến gì. Đối với phần đất thể hiện từ mốc 1 – 2 – 13 – 11 – 12 – 1 (hình 1) thuộc thửa 107, chị T không tranh chấp yêu cầu chia.

Trong trường hợp, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên, thì chị T yêu cầu anh L chia cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà chính, nhà kho tạm gắn liền với thửa đất 539, sau khi trừ số tiền nợ 93.000.000đ của chị K là $(535.583.000đ - 93.000.000đ) : 2 = 221.291.500đ$; trả công sức đóng góp trong việc san lấp cát trên thửa đất 539 là $20.000.000đ : 2 = 10.000.000đ$; Công sức đào ao lên liếp trồng cây trên thửa đất 534, 535 là $22.000.000đ : 2 = 11.000.000đ$; Cây trồng có trên thửa đất 534, 535 là $37.660.000đ : 2 = 18.830.000đ$; Giá trị cây mai vàng và cây nguyệt quế là $6.000.000đ : 2 = 3.000.000đ$; $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 20.000.000đ; $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng đất cho anh Đ còn lại là 80.000.000đ.

Đối với cây trồng (xoài, trám, gạo, bạch đàn, xương cá) có trên thửa đất 316, 24, 599 do ông S trồng, chị T không tranh chấp yêu cầu chia.

4. Về chia nợ chung: Có nợ chị K số tiền 93.000.000đ. Anh L chịu trách nhiệm trả nợ cho chị K sau ly hôn, nên chị T đồng ý căn trừ số tiền nợ của chị K vào giá trị căn nhà chung. Do nợ chung các bên đã thỏa thuận xong nên chị T không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị T không còn yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh L trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất theo lời khai của chị T về thời gian tìm hiểu, chung sống, đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc cho đến năm 2007 - 2008 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống hai bên không còn phù hợp. Từ đó, vợ chồng thường xuyên gây gổ làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay tình cảm không còn, anh L đồng ý ly hôn chị T.

2. Về nuôi con chung: Anh L thống nhất có 02 con tên Phan Thị Trúc Tâm, sinh ngày 15/10/2000 và A, sinh ngày 04/9/2006. Khi ly hôn, anh L đồng ý để chị T nuôi con chung tên A, anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 50% mức lương

cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Đối với con chung tên R, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung gồm có:

* Về động sản:

Anh L thống nhất theo lời trình bày của chị T gồm có: Một xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 66S1 – 318.67 do anh L đứng tên chủ sở hữu, hiện anh L đang quản lý. Anh L thống nhất giá trị còn lại là 40.000.000đ; Một cây nguyệt quế trị giá 3.000.000đ; Một cây mai vàng trị giá 3.000.000đ; Công sức đóng góp của chị T trong việc san lấp cát là 20.000.000đ; Chi phí đào cao lên liếp trồng cây là 22.000.000đ; Cây trồng các loại có trên thửa đất 534, 535 số tiền là 37.660.000đ. Khi ly hôn anh L đồng ý chia đôi theo yêu cầu của chị T.

Về số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 2000m² thuộc thửa 287 và thửa 598 cho anh Đ, anh L xác định số tiền chuyển nhượng là 40.000.000đ. Trong 2000m² đất chuyển nhượng cho anh Đ, có 1000m² thuộc thửa 287 nhận chuyển nhượng của anh V là tài sản chung của vợ chồng nên anh L đồng ý chia cho chị T số tiền 10.000.000đ. Đối với 1000m² thuộc thửa 598 mà chị T cho rằng nhận chuyển nhượng của cha S là không đúng sự thật. Anh L xác định, vợ chồng không có nhận chuyển nhượng phần đất nào của ông Sáng. Do đó không đồng ý chia theo yêu cầu của chị T. Ngoài ra, việc chị T cho rằng tiền chuyển nhượng là 440.000.000đ, đã sử dụng hết 280.000.000đ còn lại 160.000.000đ. Anh L không thống nhất.

* Về bất động sản: Gồm có căn nhà số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (xây dựng trên thửa số 539 tờ bản đồ 03, diện tích 792,5m²) do vợ chồng xây dựng vào năm 2013. Anh L đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho chị T sau khi đã trừ số tiền nợ của chị K là $(535.583.000đ - 93.000.000đ : 2) = 221.291.500đ$ (làm tròn 221.292.000đ).

Ngoài ra, anh L xác định vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Đối với các phần đất thuộc thửa 539, diện tích 792,5m²; Thửa số 534, diện tích 939,2m²; Thửa số 535, diện tích 2.938m² cùng tờ bản đồ 03; Thửa số 316, diện tích 350m²; Thửa số 24, diện tích 2.125,3m²; Thửa số 599, diện tích 3708,1m² cùng tờ bản đồ 04. Nguồn gốc các thửa đất trên là của cha mẹ anh L (ông S, bà C). Được Ủy ban thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ ông S vào ngày 19/6/1999, diện tích 15.196,5m². Năm 2004, ông S chuyển nhượng cho anh V diện tích 1254,37m², diện tích còn lại 13.942,13m². Năm 2007, ông S chết không để lại di chúc. Ngày 12/3/2012, bà C (mẹ anh L và các anh chị em của anh L có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đồng ý để cho anh L được thừa kế toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất do cha S đứng tên diện tích 13.942,13m².

Sau đó, anh L kê khai và được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 01/8/2012 gồm thửa 24 diện tích 2125,3m²; Thửa 12 diện tích 4708,1m²; Thửa 316 diện tích 350m² cùng tờ bản đồ 04; Thửa 284 diện tích

3878m²; Thửa 273 diện tích 1165,2m² cùng tờ bản đồ 03. Ngày 27/6/2016, anh L làm thủ tục tách thửa 284 thành thửa 534, 535 tờ bản đồ 03 và được UBND thành phố Sa Đéc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 22/7/2016. Tiếp theo ngày 08/8/2016, anh L làm thủ tục tách thửa 273 thành thửa 539, 540 tờ bản đồ 03 và được UBND thành phố Sa Đéc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào 12/10/2016. Đến ngày 14/10/2016 anh L làm thủ tục tặng cho chị J thửa 540 (thửa đất 540 hiện nay các bên không tranh chấp).

Ngày 06/02/2018, anh L làm thủ tục tách thửa 12 thành thửa 598 diện tích 1000m², thửa 599 diện tích 3708,1m² cùng tờ bản đồ 04 để làm thủ tục chuyển nhượng cho anh Đ diện tích 1000m² thuộc thửa 598 và 1000m² thuộc thửa 287 cùng tờ bản đồ 04 (nguồn gốc thửa 287 là nhận chuyển nhượng của anh V). Ngày 26/02/2018, Sở tài nguyên và môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho anh L tại thửa 599 diện tích 3708,1m² tờ bản đồ 04.

Anh L xác định các thửa đất 24, 316, 534, 535, 539 và 599 mà chị T tranh chấp yêu cầu chia là tài sản anh L được thừa kế từ cha và là tài sản riêng anh L được thừa kế riêng trong thời kỳ hôn nhân, không phải tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị T.

Hiện nay trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 539, 534, 535 anh L cho cho anh P làm giàn bông kiếng. Do đó, trong trường hợp Tòa án xác định các phần đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh L tự nguyện tháo dỡ, di dời toàn bộ các giàn bông kiếng có trên phần đất chị T được chia, không yêu cầu định giá, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với phần đất ruộng thuộc thửa 599 cho anh P thuê để trồng lúa, thuê không có thời hạn, 01năm/13 gạ lúa/01công. Anh L không có yêu cầu gì đối với anh P.

Về diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế thiếu so với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất anh L cũng thống nhất không có ý kiến. Đối với phần đất thể hiện từ mốc 1 – 2 – 13 – 11 – 12 – 1 (hình 1) thuộc thửa 107 anh L cũng thống nhất, không có tranh chấp.

Hiện nay bản chính các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất anh L đang giữ và không có thể chấp cho bất cứ cá nhân hay tổ chức tín dụng nào.

4. Về chia nợ chung: Có nợ chị K số tiền 93.000.000đ. Khi ly hôn anh L và chị T thỏa thuận: Sau ly hôn anh L sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho chị K, không yêu cầu chị T liên đới. Do nợ chung các bên đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh L không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị K trình bày:

Trước đây, thời gian cụ thể không nhớ, chị K có cho anh L và chị T vay số tiền 93.000.000đ, mục đích vay để xây nhà ở. Chị K thống nhất với sự thỏa thuận của anh L và chị T. Anh L sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho chị K sau ly hôn. Do đó,

trong vụ kiện ly hôn giữa chị T và anh L, chị K không có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện anh L bằng vụ kiện dân sự khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh P trình bày:

Anh P có thuê của anh L phần đất ruộng thuộc thửa 599 để làm lúa, thuê không có thời hạn, 01năm/13giạ lúa/1000m². Do là anh em ruột với nhau, nên không làm giấy tờ. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp thuộc thửa 534, 535, 539 anh P có làm một số giàn bông kiềng kết cấu ống nhựa đổ xi măng bên trong ống, giàn bằng nẹp thép, phía trên giàn có để các chậu bông sứ.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T về việc chia tài sản chung. Anh P đồng ý trả lại cho anh L, chị T phần đất lúa thuộc thửa 599; Tự nguyện tháo dỡ di dời giàn bông kiềng, cây kiềng có trên thửa đất 539, 535, 534. Anh P không yêu cầu định giá, không tranh chấp yêu cầu bồi thường, không yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời.

*** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị T yêu cầu ly hôn anh L.

- Về con chung chị T yêu cầu nuôi con tên A, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về chia tài sản chung: Đối với phần đất chuyển nhượng cho anh Đ số tiền 440.000.000đ, là tài sản sản chung của vợ chồng. Trong đó có 1000m² chuyển nhượng của anh V, anh L cũng thừa nhận. Còn 1000m² chuyển nhượng của ông S, để có tiền chuyển nhượng vợ chồng phải mượn của bà X là mẹ chị T 02 lượng vàng 24K. Về tài liệu pháp lý không có, tuy nhiên theo lời khai người làm chứng là anh Thơm trình bày có biết việc anh L và chị T nhận chuyển nhượng đất của ông S. Sau đó, anh L đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên cho anh Đ với số tiền là 220.000.000đ/1000m². Mặc dù, về tài liệu chứng cứ không có nhưng trên thực tế giá chuyển nhượng là 220.000.000đ/1000m² và điều này cũng phù hợp với thực tế mua bán bên ngoài xã hội. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia cho chị T ½ số tiền còn lại là 80.000.000đ.

Đối với các thửa đất 24, 316, 534, 535, 539 và 599 là tài sản vợ chồng được thừa kế chung trên cơ sở là văn bản thỏa thuận ngày 12/3/2012. Việc anh L đăng ký kê khai, tách thửa và giấy chứng nhận chỉ có tên anh L là do thời gian này vợ chồng vẫn còn hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên việc ai đứng tên giấy chứng nhận cũng được. Tuy nhiên, khi anh L muốn chuyển nhượng hay hiến đất thì trong các văn bản phải có chữ ký của chị T. Đối với việc chị T xác định thửa 540 tặng cho chị J là tài sản riêng của anh L, điều đó không có nghĩa chị T xác nhận các thửa đất trên là tài sản riêng của anh L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh L đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung anh L đồng ý giao con tên A cho chị T nuôi dưỡng. Anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về chia sản chung anh L đồng ý chia cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, xe, cây trồng, công sức đóng góp.

- Đối với phần đất thuộc thửa 24, 316, 534, 535, 539 và 599 nguồn gốc của cha mẹ anh L. Sau khi cha anh L chết, ngày 12/3/2012 mẹ và các anh chị em của anh L có văn bản thỏa thuận để lại cho anh L thừa kế toàn bộ phần đất trên. Như vậy, các thửa đất này anh L được thừa kế riêng trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra tại văn bản thỏa thuận tặng cho đất chị J, chị T cũng đã xác định thửa đất 540 (được tách từ thửa 273) là tài sản riêng của anh L. Trong các văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền cũng xác định việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho anh L là trên cơ sở thừa kế theo văn bản thỏa thuận ngày 12/3/2012. Ngoài ra, sau khi anh L được thừa kế, giữa chị T và anh L cũng không có văn bản nào xác lập tài sản riêng của anh L vào tài sản chung của vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với phần đất chuyển nhượng cho anh Đ. Theo hợp đồng chuyển nhượng chỉ có 40.000.000đ. Trong đó có phần đất thuộc thửa 287 là tài sản chung của vợ chồng anh L, còn thửa 598 tách ra từ thửa 12 là tài sản riêng của anh L. Nên anh L chỉ đồng ý chia cho chị T số tiền 10.000.000đ.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L

- Về nuôi con chung: Chị T được quyền nuôi con chung tên A. Anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh L về việc chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, chiếc xe, cây kiểng, công sức đóng góp, cây trồng các loại.

Đối với phần đất chuyển nhượng cho anh Đ theo hợp đồng chuyển nhượng là 40.000.000đ. Tuy nhiên căn cứ vào thông báo thuế của Chi cục thuế thể hiện số tiền chuyển nhượng 2000m² là 132.000.000đ, mức giá này phù hợp với giá mà Ủy ban tỉnh quy định. Do đó, anh L có trách nhiệm chia cho chị T 33.000.000đ.

- Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh L chung sống vợ chồng từ năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày

16/11/2000 tại UBND xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, làm cho tình cảm ngày càng bị tổn thương, rạn nứt không thể hàn gắn. Nay, chị T và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể hàn gắn, tiếp tục trở lại chung sống với nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

[2] Về nuôi con chung: Chị T và anh L thống nhất có hai con tên R, sinh ngày 15/10/2000 và A, sinh ngày 04/9/2006. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Anh L đồng ý để cháu A cho chị T nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T. Về phía cháu A cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu A nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu R, sinh năm 2000, đã thành niên, chị T và anh L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung:

[3] Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là giá trị tài sản (căn nhà) gắn liền với thửa đất 539, sau khi đã trừ số tiền nợ chung của chị K là $535.583.000đ - 93.000.000đ : 2 = 221.291.500đ$ (làm tròn số 221.292.000đ). Do phần tài sản nhà kho, phần hàng rào chị T yêu cầu được chia có giá trị thấp hơn nên anh L phải phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho chị T là $221.292.000đ - 27.111.000đ$ (nhà kho) $- 14.120.000đ$ (một phần hàng rào) $= 180.061.000đ$.

Đối với các phần đất chị T yêu cầu chia: Diện tích $241,5m^2$, thuộc thửa 539 (hình 1); diện tích $1864,8m^2$, thuộc một phần thửa 535 và cây trồng các loại có trên đất (hình 2) (Theo mảnh trích đo địa chính số 138 – 2019 ngày 20/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc). Diện tích $176,0m^2$, thuộc một phần thửa số 316 và cây trồng có trên đất (hình 2); diện tích $1.133,1m^2$ thuộc một phần thửa 24 (hình 4); diện tích $1.796,8m^2$ thuộc một phần thửa số 599 (hình 6) (Theo mảnh trích đo địa chính số 137 – 2019 ngày 20/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc).

Chị T đồng ý chia cho anh L được sở hữu căn nhà chính; Được quản lý, sử dụng phần đất diện tích $516,7m^2$ thuộc một phần thửa 539; diện tích $1956m^2$ thuộc một phần thửa 535 và 534; diện tích $178,6m^2$ thuộc một phần thửa 316; diện tích $1130,5m^2$ thuộc một phần thửa 24 và diện tích $1796,8m^2$ thuộc một phần thửa 599.

Về phía anh L không đồng ý theo yêu cầu của chị T. Anh L yêu cầu được sở hữu toàn bộ công trình kiến trúc gắn liền với thửa đất 539 (nhà chính, nhà kho, sân, hàng rào...), anh L đồng ý chia cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản sau khi đã trừ khoản nợ chung của chị K là 221.292.000đ. Đối với các thửa đất 24, 316, 534, 535, 539 và 599 là tài sản anh L được thừa kế riêng, không phải tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia.

Hội đồng xét xử xét thấy

[4] Chị T và anh L đều thống nhất xác định nguồn gốc các thửa đất 539, 534, 535 cùng tờ bản đồ 03; thửa số 316, 24, 599 cùng tờ bản đồ 04 là của ông S và bà C (cha, mẹ của anh L). Được Ủy ban thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho hộ ông S vào ngày 19/6/1999, diện tích 15.196,5m². Năm 2004, ông S chuyển nhượng cho anh V diện tích 1.254,37m², diện tích còn lại 13.942,13m². Năm 2012, ông S chết không để lại di chúc. Ngày 12/3/2012, bà C (mẹ anh L) và các anh chị em của anh L có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đồng ý để cho anh L được thừa kế toàn bộ di sản là quyền sử dụng diện tích 13.942,13m².

[5] Như vậy, trên cơ sở văn bản thỏa thuận của mẹ và các anh chị em trong gia đình đồng ý để cho anh L được thừa kế toàn bộ phần đất trên. Sau đó, anh L đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 01/8/2012 gồm các thửa 24, 12, 316 cùng tờ bản đồ 04; Thửa 284, thửa 273 cùng tờ bản đồ 03. Ngày 27/6/2016, anh L làm thủ tục tách thửa 284 thành thửa 534, 535 tờ bản đồ 03 và được UBND thành phố Sa Đéc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 22/7/2016. Tiếp theo ngày 08/8/2016, anh L tách thửa 273 thành thửa 539 và thửa 540 tờ bản đồ 03 (đã tặng cho chị J thửa 540) và được UBND thành phố Sa Đéc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào ngày 12/10/2016. Đến ngày 06/02/2018, anh L tiếp tục tách thửa 12 thành thửa 598 diện tích 1000m² (đã chuyển nhượng cho anh Đ) và thửa 599 diện tích 3708,1m² cùng tờ bản đồ 04.

[6] Căn cứ vào hồ sơ cấp đất cho anh L, không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện chị T là đồng thừa kế các phần đất trên. Mặt khác, sau khi được thừa kế toàn bộ phần đất từ cha S, giữa anh L và chị T cũng không có văn bản thỏa thuận nào nhập khối tài sản anh L được thừa kế riêng vào tài sản chung của vợ chồng anh L, chị T.

[7] Tại công văn số 65/UBND-NC ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc cũng xác định việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho anh L là căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 12/3/2012, được Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp công chứng.

[8] Ngoài ra, đối chiếu với các tài liệu chứng có trong hồ sơ thể hiện vào ngày 14/10/2016, anh L có làm hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng cho chị J đối với thửa đất 540, tờ bản đồ 03 (thửa đất này hai bên không tranh chấp). Nguồn gốc thửa đất 540 cũng của ông S, để lại cho anh L thừa kế. Tại văn bản thỏa thuận ngày 14/10/2016, chị T cũng xác định thửa đất 540 là tài sản riêng của anh L. Văn bản

thỏa thuận có công chứng của Phòng công chứng số 2, tỉnh Đồng Tháp. Về phía chị T cũng thống nhất chữ ký trong văn bản thỏa thuận nêu trên là của chị T.

[9] Đối với ý kiến của luật sư nguyên đơn cho rằng chị T chỉ xác định thửa 540 là tài sản riêng của anh L, còn các thửa đất khác vẫn là tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất mà anh L tặng cho chị J và các thửa đất các bên đang tranh chấp đều có nguồn gốc của ông S, anh L được thừa kế riêng. Do đó, luật sư nguyên đơn cho rằng chỉ có thửa đất 540 là tài sản riêng của anh L và các thửa đất còn lại 539, 534, 535, 316, 24, 599 là tài sản chung của vợ chồng anh L, chị T là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Như vậy, từ những phân tích có đủ cơ sở xác định thửa đất 539, 534, 535 từ bản đồ 03; Thửa số 316, 24, từ bản đồ 04, 599 từ bản đồ 04 là tài sản anh L được thừa kế riêng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc chị T cho rằng các thửa đất trên là tài sản vợ chồng được thừa kế chung trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu chia đôi là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Đối với căn nhà chính, nhà kho, sân, hàng rào xây dựng trên thửa đất 539, tọa lạc tại số 878, ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp. Chị T và anh L đều thống nhất là tài sản chung của vợ chồng xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Chị T cũng thống nhất trong trường hợp yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng không được chấp nhận, thì chị T yêu cầu anh L chia cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà (sau khi đã trừ khoản nợ của chị Hồng) là 221.292.000đ. Chị T đồng ý giao cho anh L được quản lý, sử dụng, sở hữu nhà chính, nhà kho, sân, hàng rào tọa lạc tại số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp (hiện anh L đang quản lý). Anh L cũng thống nhất chia cho chị T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà (sau khi đã trừ khoản nợ của chị K) là 221.292.000đ. Xét thấy việc thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giao cho anh L được quản lý, sử dụng, sở hữu nhà chính, nhà kho, sân, hàng rào tọa lạc tại số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp (hiện anh L đang quản lý). Diện tích, kích thước, kết cấu căn nhà có biên bản định giá ngày 06/12/2018, ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc kèm theo). Anh L chia cho chị Thẩm $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà (sau khi đã trừ số tiền nợ chung của chị K là 93.000.000đ) là 221.292.000đ.

[12] Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là số tiền chuyển nhượng quyền đất thuộc thửa 287 và thửa 598 cho anh Đ là 440.000.000đ. Trong đó, vợ chồng đã sử dụng hết số 280.000.000đ còn lại 160.000.000đ, hiện anh L đang quản lý. Chị T yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ số tiền là 80.000.000đ. Anh L không đồng ý theo yêu cầu của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[13] Chị T và anh L đều thống nhất xác định thửa đất 287 nhận chuyển nhượng của anh V là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Đối với thửa đất 598 (tách ra từ thửa 12) chị T và anh L thống nhất nguồn gốc đất là của ông S. Chị T cho rằng phần đất này do vợ chồng cùng nhận chuyển nhượng của ông S cách nay khoảng 17 năm, giá chuyển nhượng là 02 lượng vàng 24K.

Nhưng chị T cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Về phía anh L cho rằng thửa đất 598 (được tách ra từ thửa 12) nguồn gốc đất của ông S, anh L được thừa kế từ cha (ông S). Sau đó, anh L đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận. Căn cứ vào hồ sơ cấp đất cho anh L, không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện chị T và anh L là đồng sở hữu thửa đất 598.

[14] Do đó, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của vợ chồng anh L và chị T cùng tạo lập là thửa đất số 287. Đối với thửa đất 598 là tài sản anh L được thừa kế riêng, không phải tài sản chung của vợ chồng cùng tạo lập. Năm 2018, anh L đã chuyển nhượng cho anh Đ thửa đất 287 và thửa đất 598, với số tiền là 40.000.000đ (20.000.000đ/1000m²). Về phía chị T cho rằng thửa 287, 598 anh L chuyển nhượng cho anh Đ với số tiền 220.000.000đ/1000m², tổng cộng là 440.000.000đ. Vợ chồng đã sử dụng hết số tiền 280.000.000đ, còn lại 160.000.000đ, hiện anh L đang quản lý, chị T yêu cầu chia đôi nhưng chị T cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

[15] Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 08/01/2018 thể hiện số tiền chuyển nhượng là 20.000.000đ/1000m² và lời khai của anh Đ, cũng như mẹ anh Đ đều xác định số tiền chuyển nhượng hai thửa đất trên là 40.000.000đ. Tuy nhiên, qua xem xét tài liệu chứng cứ liên quan đến việc đóng thuế thu nhập cá nhân của anh L thể hiện phần đất anh L chuyển nhượng cho anh Đ có giá là 132.000.000đ (60.000đ/m² x hệ số 1,1 x 2000m²). Xét thấy, giá trị đất mà Chi cục Thuế thành phố Sa Đéc làm căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân cho anh L, phù hợp với giá đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành đối với đất lúa. Tại phiên tòa hôm nay anh L cũng thống nhất với số tiền thuế thu nhập cá nhân mà cơ quan thuế đã tính, anh L cũng không thắc mắc khiếu nại gì. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tổng số tiền anh L chuyển nhượng đất cho anh Đ được xác định là 132.000.000đ/2000m². Trong đó có 1000m² thuộc thửa 287 là tài sản chung của vợ chồng nên anh L có trách nhiệm chia cho chị T số tiền 33.000.000đ.

Đối với thửa đất 598 là tài sản anh L được thừa kế riêng, không phải tài sản chung của vợ chồng cùng tạo lập. Do đó, chị T yêu cầu chia đôi số tiền chuyển nhượng đất là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích cho nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung.

[16] Đối với xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 66S1 – 318.67 do anh L đứng tên chủ sở hữu, hiện anh L đang quản lý. Anh L và chị T thống nhất giá trị còn lại là 40.000.000đ không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định, định giá; Đối với 01 cây nguyệt quế và 01 cây mai vàng anh L và chị T thống nhất theo giá hội đồng định giá đã định là 6.000.000đ. Anh L đồng ý chia ½ giá trị chiếc xe cho chị T là 20.000.000đ; ½ giá trị cây nguyệt quế và cây mai vàng là 3.000.000đ. Chị T đồng ý giao toàn bộ số tài sản trên cho anh L sở hữu, sử dụng. Xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về công sức đóng góp của chị T trong việc san lấp cát, đào ao. Chị T cho rằng trong trường hợp, Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thì chị T yêu cầu anh L chia cho chị $\frac{1}{2}$ công sức đóng góp trong việc san lấp cát trên thửa đất 539 là $20.000.000đ : 2 = 10.000.000đ$; Công sức đào ao lên liếp trồng cây trên thửa đất 534, 535 là $22.000.000đ : 2 = 11.000.000đ$ và cây trồng có trên thửa đất 534, 535 là $37.660.000đ : 2 = 18.830.000đ$. Về phía anh L cũng thống nhất theo yêu cầu của chị T. Xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Đối với cây trồng (xoài, trám, gạo, bạch đàn, xương cá) có trên thửa đất 316, 24, 599 do ông S trồng, chị T không tranh chấp yêu cầu chia nên không xem xét.

[19] Đối với phần đất ruộng thuộc thửa 599, hiện nay anh P đang thuê để trồng lúa, thuê không có thời hạn, 01năm/13 gia lúa/01công. Chị T không tranh chấp yêu cầu chia hoa lợi từ việc cho thuê đất nên không xem xét.

Đối với số tiền bán mai vàng 30.000.000đ, quá trình hòa giải cũng tại phiên tòa hôm nay chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nên không làm phát sinh quyền lợi của người có nghĩa vụ liên quan anh P.

[21] Về nợ chung: Chị T và anh L thống nhất có nợ chị K số tiền 93.000.000đ. Trong vụ kiện nay, chị K cũng không tranh chấp yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp chị K sẽ khởi kiện anh L bằng một vụ kiện khác.

[22] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đ. Chị T và anh L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tổng giá trị tài sản được chia gồm: $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà chính, nhà kho (tọa lạc tại số 878) là 221.292.000đ (sau khi đã trừ khoản nợ của chị K); $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Honda là 20.000.000đ; $\frac{1}{2}$ giá trị cây nguyệt quế và cây mai vàng là 3.000.000đ; $\frac{1}{2}$ chi phí san lấp cát là 10.000.000đ; $\frac{1}{2}$ chi phí đào cao lên liếp trồng cây là 11.000.000đ; $\frac{1}{2}$ giá trị cây trồng các loại có trên thửa đất 534, 535 số tiền là 18.830.000đ; $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng thửa đất 287 cho anh Đ là 33.000.000đ. Tổng cộng là 317.122.000đ.

[23] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị T phải chịu toàn bộ là 16.538.000đ. Chị T đã nộp đủ và chi xong.

[24] Về chi phí định giá tài sản: Chị T và anh L mỗi người chịu 50%. Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 1.400.000đ, do đó anh L có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị T là 700.000đ.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, 33, 43, 55, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 166, 203 Luật đất đai

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh L về việc nuôi con chung khi ly hôn. Chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên A, sinh ngày 04/9/2006. Hiện nay con chung (A) đang sống chung với chị T.

Anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung (A) thành niên (đủ 18 tuổi).

Đối với con chung R, sinh ngày 15/10/2000, đã thành niên. Chị T, anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa 539 diện tích 792,5m², thửa số 534 diện tích 939,2m², thửa số 535 diện tích 2.938m² cùng tờ bản đồ 03, thửa số 316, diện tích 350m², thửa số 24 diện tích 2.125,3m², thửa số 599 diện tích 3708,1m² cùng tờ bản đồ 04 do anh L đứng tên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, hiện anh L đang quản lý.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là số tiền chuyển nhượng đất.

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh L về việc chia tài sản chung là xe mô tô; nhà chính + nhà kho tọa lạc tại số số 878; cây trồng, công sức đóng góp.

Buộc anh L chia cho chị T ½ giá trị căn nhà chính, nhà kho (tọa lạc tại số 878) là 221.292.000đ; ½ giá trị chiếc xe mô tô là 20.000.000đ; ½ giá trị cây nguyệt quế và cây mai vàng là 3.000.000đ; ½ chi phí san lấp cát là 10.000.000đ; ½ chi phí đào ao, lên liếp trồng cây là 11.000.000đ; ½ giá trị cây trồng các loại có trên thửa đất 534, 535 số tiền là 18.830.000đ; ½ số tiền chuyển nhượng thửa đất 287 cho anh Đ là 33.000.000đ. Tổng cộng là 317.122.000đ

Chị T có trách nhiệm di dời tài sản để giao cho anh L được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu căn nhà chính, nhà kho (xây dựng trên thửa đất 539) tọa lạc tại số 878, ấp L, xã Đ, thành phố S, Đồng Tháp; Một xe mô tô hiệu Honda hiệu PCX biển số 66S1 – 318.67 do anh L đứng tên chủ sở hữu; Một cây mai vàng và một cây nguyệt quế; Cây trồng các loại có trên thửa đất 534, 535 (hiện anh L đang quản lý).

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 16/12/2018, ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

4. Về nợ chung: Các đương sự không tranh chấp yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 15.856.000đ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia. Số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ ngày 30/8/2018, biên lai thu số 0004815 và 14.086.000đ ngày 30/8/2018, biên lai thu số 0004816 được khấu trừ vào án phí phải nộp. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 1.770.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Anh L phải chịu 15.856.000đ (mười lăm triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị T phải chịu toàn bộ số tiền xem xét thẩm định là 16.538.000đ. Chị T đã nộp đủ và chi xong.

7. Về chi phí định giá tài sản: Chị T và anh L mỗi người chịu 50%. Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 1.400.000đ, do đó anh L có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị T là 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy